

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T2 PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 162/2021/DSST
Ngày: 26/5/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN D1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T2 PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Q1 Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T2 Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T2 Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Không Sơn Tùng – kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T2 Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 30/2020/DSST, ngày 10 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 272/2021/QĐST-DS ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Phan Duy D1 – sinh năm 1962

Địa chỉ : C17/4 Khu phố X, phường B1, Quận Z, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền : ông Nguyễn Phúc Duy T2

Bị đơn : Ông Tô Chí Q1 – sinh năm 1965

Địa chỉ : 4.20 Chung cư N1, phường B1, quận T3, Tp.HCM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : bà Quách Mỹ T1 – sinh năm 1965

Địa chỉ : 4.20 Chung cư N1, phường B1, quận T3 , Tp.HCM.

(Tại phiên tòa, ông T2 - có mặt; ông Q1, bà T1 – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2019, bản tự khai và buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/5/2020, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cùng yêu cầu : Do quen biết nên ông D1 cho ông Q1 vay tiền làm 02 đợt như sau :

+ Đợt 1 cho vay là 110.000.000 đồng trong đó 40.000.000 đồng nhận ngày 12/4/2006 và 70.000.000 đồng nhận ngày 24/8/2006 được thể hiện trong giấy nhận nợ ngày 24/8/2006. Lãi suất là 4%/tháng được trả vào ngày 24 hàng tháng. Không có thời hạn thanh toán nợ. Bị đơn chưa thanh toán toàn bộ số nợ theo giấy nhận nợ này.

+ Đợt 2 cho vay là 100.000.000 đồng được thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 24/9/2006. Lãi suất là 4%/tháng được trả vào ngày 24 hàng tháng. Không có thời hạn thanh toán nợ. Bị đơn chưa thanh toán toàn bộ số nợ theo giấy nhận nợ này.

Nay nguyên đơn yêu cầu cá nhân bị đơn ông Tô Chí Q1 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 210.000.000 đồng và lãi suất là 18%/năm tính từ ngày mượn nợ là 24/8/2006 cho cả hai giấy vay nhận nợ, hình thức thanh toán là thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Sau đó, ngày 09/6/2020 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau :

+ Yêu cầu bị đơn ông Tô Chí Q1 phải thanh toán toàn bộ số nợ theo giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 gồm nợ gốc 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng và lãi suất là 18%/năm tính từ thời điểm vay ngày 24/8/2006 đến ngày 27/9/2019 là 259.050.000 đồng.

+ Yêu cầu bị đơn ông Tô Chí Q1 và vợ là bà Quách Mỹ T1 (vì bà T1 biết về số nợ vay ngày 24/9/2006 và ngày ký giấy vay nợ bà T1 cũng có mặt) cùng liên đới phải thanh toán toàn bộ số nợ theo giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 gồm nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và lãi suất là 18%/năm tính từ thời điểm vay đến ngày 27/9/2019 là 234.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán các khoản nợ vay trên làm 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu nào khác.

Về số tiền lãi ông Q1 đã trả cho nguyên đơn tính từ ngày vay 24/9/2006 đến khoảng đầu năm 2008 (nguyên đơn không nhớ chính xác ngày, tháng) là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Nguyên đơn cho biết có nhận tiền từ bị đơn ông Q1 nhưng không tới số tiền là 75.000.000 đồng vì chỉ khoảng từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn đồng ý với giao dịch tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng là bị đơn ông Tô Chí Q1 đã đưa nguyên đơn số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Nguyên đơn đồng ý trừ số tiền đã nhận trên vào số tiền lãi cho cá nhân bị đơn ông Tô Chí Q1 cụ thể là theo giấy nhận nợ ngày 24/8/2006.

Tuy nhiên, đến ngày 13/4/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phúc Duy T2 có đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện lại như sau : Buộc ông Tô Chí Q1 phải trả lại số tiền gốc đã vay của ông D1 là 210.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc đã vay theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, mức lãi suất yêu cầu là 18%/năm, cụ thể :

+Đối với số tiền 110.000.000 đồng vay ngày 24/8/2006, tính từ thời điểm vay đến ngày 05/5/2021 là 14 năm 07 tháng với tổng số tiền là 288.750.000 đồng.

+Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 24/9/2006, tính từ thời điểm vay đến ngày 05/5/2021 là 14 năm 06 tháng với tổng số tiền là 261.000.000 đồng.

Tổng số tiền cá nhân ông Tô Chí Q1 cần phải trả là 759.750.000 đồng.

Bị đơn ông Tô Chí Q1 trình bày tại bản tự khai và buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/5/2020 như sau : ông xác nhận hai tờ giấy nhận nợ của 02 đợt ngày 24/8/2006 và ngày 24/9/2006 là chữ ký của ông. Giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 có chữ ký của bà Quách Mỹ T1 – là vợ của ông nhưng do bữa đó bà T1 đi cùng với ông nên ký nhận chứ thật ra toàn bộ số nợ là cá nhân ông vay mượn. Ông yêu cầu cá nhân ông phải thanh toán toàn bộ số nợ, không đưa bà T1 vào tham gia trong hồ sơ vụ án. Ông xác nhận ông có vay mượn nợ gốc 02 đợt tổng cộng là 210.000.000 đồng. Ngày 24 hàng tháng từ ngày 24/8/2006 đến đầu năm 2010 ông đều đóng tiền lãi 4% là 8.400.000 đồng. Tổng cộng ông đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi khoảng 352.800.000 đồng (tính trong 42 tháng). Ông yêu cầu trừ số tiền 352.800.000 đồng vào tiền lãi . Bên cạnh đó trước đây ông có đưa cho nguyên đơn 75.000.000 đồng tiền hàng, ông không nhớ chính xác ngày gửi chỉ nhớ khoảng năm 2009 hoặc năm 2010, ông yêu cầu trừ số tiền 75.000.000 đồng vào tiền nợ gốc. Ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì ông đã trả được một phần tiền lãi như trên và do hoàn cảnh kinh tế hiện nay khó khăn, kinh doanh bị phá sản thua lỗ nên không có khả năng thanh toán toàn bộ số nợ được 01 lần theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông yêu cầu nguyên đơn phải bỏ toàn bộ số tiền lãi, không tiếp tục tính lãi 18%/năm, ông yêu cầu tiền gốc còn phải thanh toán khoảng từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng thì ông mới có khả năng thanh toán được. Ông sẽ thanh toán từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Mặc dù, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi lời trình bày và yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn ông Tô Chí Q1 vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu trình bày như sau : yêu cầu ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1 cùng liên đới trả tất cả số tiền nợ tổng cộng cho cả hai giấy ghi nhận nợ ngày 24/8/2006 và 24/9/2006 đến ngày xét xử là 759.750.000 đồng nhưng được cắt trừ số tiền 220.000.000 đồng cho ông Q1 và bà T1, số tiền còn là 539.750.000

đồng trong đó số tiền gốc là 210.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 24/8/2006 đến nay với lãi suất là 18%/năm là 329.750.000 đồng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T2 Phú phát biểu tóm tắt các ý chính sau: Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định về mức lãi suất cơ bản số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về áp dụng quy định của pháp luật về lãi suất đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo nội dung cụ thể trình bày tại bài phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 và Giấy vay nợ ngày 24/9/2006 và các bên đương sự cùng xác nhận có ký kết các giấy vay nhận nợ trên tự nguyện theo quy định tại Điều 388, Điều 389, Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Bên cạnh đó, hiện nay đương sự đang cư ngụ tại quận T2 Phú, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận T2 Phú, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 với tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét thời hiệu khởi kiện : căn cứ vào đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện, Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 và Giấy vay nợ ngày 24/9/2006, thông báo yêu cầu trả lại tài sản, phiếu báo phát nhận có chữ ký của ông Q1 và tại các buổi làm việc ông Q1 cũng xác nhận chữ ký và có nhận Thông báo yêu cầu trả lại tài sản của ông D1 gửi. Điều này thể hiện bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được bắt đầu lại theo quy định tại Điều 154, Điều 156 và Điều 162 Bộ luật dân sự 2005.

-Xét Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 và Giấy vay nợ ngày 24/9/2006 thì đây là các hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất là 4%/tháng được trả vào 24 hàng tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1 phải liên đới thanh toán toàn bộ số nợ đối với giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 là không có cơ sở vì Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 thể hiện người vay tài sản là cá nhân ông Tô Chí Q1 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn luôn xác nhận đây là việc vay tài sản của cá nhân ông Q1, không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh được bà T1 biết và cùng ông Q1 vay tiền tại thời điểm ký giấy nhận nợ nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét cá nhân ông Tô Chí Q1 phải trả nợ theo Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 với số tiền gốc là 110.000.000 đồng.

Giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 thể hiện người vay tài sản là ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1. Ông Q1 xác nhận tại giấy nhận nợ là chữ ký và chữ viết của ông và bà T1. Điều này thể hiện bà T1 có biết việc vay tài sản vào ngày 24/9/2006. Mặc dù người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà Quách Mỹ T1 vẫn không đến và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án nên không thể ghi lời trình bày của bà. Hội đồng xét xử nhận thấy vẫn phải buộc bà Quách Mỹ T1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ đối với số nợ vay ngày 24/9/2006.

Theo Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005 quy định : “...Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”. Từ thời điểm cho vay đến tháng 09/2019, nguyên đơn vẫn không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn thông báo ngày đòi lại tài sản. Đến ngày 04/10/2019, nguyên đơn mới Thông báo yêu cầu ông Q1 trả lại tài sản thì thời hạn thanh toán là ngày 10/11/2019 là ngày trả nợ. Tuy nhiên nếu xem xét thời điểm này tính lãi suất chậm trả cho bị đơn thì cũng khó khăn và thiệt hại về kinh tế cho ông D1. Bên cạnh đó, bị đơn ông Tô Chí Q1 cho rằng ngày 24 hàng tháng từ ngày 24/8/2006 đến đầu năm 2010 ông đều đóng tiền lãi 4% là 8.400.000 đồng. Tổng cộng ông đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi khoảng 352.800.000 đồng (tính trong 42 tháng). Ông yêu cầu trừ số tiền 352.800.000 đồng vào tiền lãi . Bên cạnh đó trước đây ông có đưa cho nguyên đơn 75.000.000 đồng tiền hàng, ông không nhớ chính xác ngày gửi chỉ nhớ khoảng năm 2009 hoặc năm 2010, ông yêu cầu trừ số tiền 75.000.000 đồng vào tiền nợ gốc nhưng ông Q1 không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào nộp cho tòa án để chứng minh lời trình bày của ông. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định về mức lãi suất

cơ bản số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về áp dụng quy định của pháp luật về lãi suất thì Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 được tính từ ngày 24/9/2006 đến ngày 01/1/2017 là 123 tháng 06 ngày cụ thể với tổng số tiền lãi là 110.000.000 đồng x 123 tháng 06 ngày x 9%/năm = 101.640.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/1/2017 đến ngày 26/5/2021 là 52 tháng 25 ngày với tổng số tiền lãi là 110.000.000 đồng x 52 tháng 25 ngày x 18%/năm = 87.175.000 đồng. Tổng cộng giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 ông Q1 phải thanh toán tính đến ngày 26/5/2021 là 298.815.000 đồng trong đó tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi là 188.815.000 đồng. Lãi suất Giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 được tính từ ngày 24/10/2006 đến ngày 01/1/2017 là 122 tháng 06 ngày cụ thể với tổng số tiền lãi là 100.000.000 đồng x 122 tháng 06 ngày x 9%/năm = 91.650.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/1/2017 đến ngày 26/5/2021 là 52 tháng 25 ngày với tổng số tiền lãi là 100.000.000 đồng x 52 tháng 25 ngày x 18%/năm = 79.250.000 đồng. Tổng cộng Giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 ông Q1, bà T1 phải thanh toán tính đến ngày 26/5/2021 là 270.900.000 đồng trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 170.900.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cản trừ số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng vào tổng số tiền thanh toán của ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1. Vậy ông Q1 bà T1 phải thanh toán là 50.900.000 đồng. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Duy D1.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn ông Tô Chí Q1 phải chịu án phí là 16.213.250 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Mỹ T1 phải chịu án phí là 1.272.500 đồng. Nguyên đơn ông Phan Duy D1 chịu án phí phần chênh lệch là 9.501.750 đồng. Hoàn trả cho ông D1 số tiền còn lại là 6.559.250 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0020473 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T2 Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 154, Điều 156, Điều 162, Điều 388, Điều 389, Điều 471, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định về mức lãi suất cơ bản số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về áp dụng quy định của

pháp luật về lãi suất. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Duy D1

-Buộc ông Tô Chí Q1 phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với Giấy nhận nợ ngày 24/8/2006 với tổng số tiền là 298.815.000 (hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười năm nghìn) đồng trong đó tiền gốc là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng và tiền lãi là 188.815.000 (một trăm tám mươi tám triệu tám trăm mười năm nghìn) đồng

-Buộc ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1 phải liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với Giấy nhận nợ ngày 24/9/2006 với tổng số tiền là 270.900.000 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm nghìn) đồng trong đó tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 170.900.000 (một trăm bảy mươi triệu chín trăm nghìn) đồng nhưng được trừ số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng vào tổng số tiền thanh toán nên ông Tô Chí Q1 và bà Quách Mỹ T1 còn phải thanh toán số tiền là 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng.

Hình thức thanh toán toàn bộ số nợ là một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tô Chí Q1 phải chịu án phí là 16.213.250 (mười sáu triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Mỹ T1 phải chịu án phí là 1.272.500 (một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Nguyên đơn ông Phan Duy D1 chịu án phí phân chênh lệch là 9.501.750 (chín triệu năm trăm linh một nghìn bảy trăm năm mươi) đồng. Hoàn trả cho ông D1 số tiền còn lại là 6.559.250 (sáu triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0020473 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T2 Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ

ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T2 Phú;
- Chi cục THA DS Q. T2 Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền